

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION
PO. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
Telephone: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two copies)

IV No 56243

VEWL No _____

I-171 _____ Yes _____ NO

1. APPLICANT IN VIETNAM:

LONG
Last

VĂN
Middle

NGUYỄN
First

Current Address: 41 Võ Văn Ngân, t. 5, ấp 5 Thị trấn Thủ Đức, TP HCM.

Date of Birth: October 29 - 1915 Place of Birth: Bình Hòa, Quảng Ngãi

Previous Occupation (Before 1975): Chaplain - RVN Armed Forces.
(Rank and Position)

Colonel, Director of Chaplaincy. / RVNAF.

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP:

Date: from: June 15 / 1975 to: Feb. 26 / 1980.

3. SPONSOR'S NAME:

MR DANG SY
Name

Baltimore, Maryland. 21234 -
USA.

Address and Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S. :

None.

Name

Address and Telephone

Relationship

5. NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES:

Name:

Date of birth:

Relationship's PI

None.

Dependent's Address (if different from above):

6. ADDITIONAL INFORMATION:

- Attached document: my release certificate.

Long

Date prepared: Oct. 10 / 1989.
Nguyễn Văn Long.

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
PO. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

INTAKE FORM (Two copies)

1. NAME: ~~Last First~~ LONG VĂN NGUYỄN
Last Middle First
2. DATE, PLACE OF BIRTH: October 29 / 1915. Bình Hoà - Quảng Bình
3. SEX: Male: ☒ Female: ☐
4. MARITAL STATUS: Single ☒ Married: ☐
5. ADDRESS IN VIETNAM:
41 Võ Văn Ngân - T. 5, Ấp 5, Thị trấn Thủ Đức - TP Hồ Chí Minh.
6. POLITICAL PRISONER: Yes: ☒ No: ☐
If yes, from: June 15 / 1975 to: Feb 26 / 1980
7. PLACE OF RE-EDUCATION CAMP: Yên Bái - Vĩnh Phú - and Thanh Thuy (Thanh Hóa)
8. PROFESSION: Priest.
9. EDUCATION IN US: None
10. RVN ARMY, RANK: Colonel - RVNAF.
11. RVN GOVERNMENT, POSITION: -
12. APPLICATION FOR OBP:
Yes: ☐
- IV number: 56263
NO: -
13. NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING: None
14. MAILING ADDRESS IN VIETNAM:
41 Võ Văn Ngân, T. 5 - Ấp 5, Thị trấn Thủ Đức - TP Hồ Chí Minh
15. NAME AND ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVES:
MR ĐĂNG SỸ - Baltimore, Maryland
21234 - USA.
16. US CITIZEN: Yes: ☐ No: ☐
17. RELATIONSHIP WITH PRISONER: Friend
18. NAME AND SIGNATURE: Nguyễn Văn Long
Address and Telephone of Informant:
plong
19. DATE: October 10 / 1989.

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTC, ban hành theo công văn số 2565 ngày 21 tháng 11 năm 1972

Trại

Số 72 GRT

Số HSLĐ

00137709452

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ; 1980

Thi hành án văn, quyết định, tha số ngày tháng năm

của

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Nguyễn Văn Long

Họ, tên thường gọi

Họ, tên bí danh

Sinh ngày tháng năm

Nơi sinh

Nơi đăng ký phân khẩu thường trú trước khi bị bắt

Can tội

Bị bắt ngày 15/6/1975

Án phạt

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm

Đã được giảm án lần, cộng thành tháng

Nay về cư trú tại

Nhận xét quá trình cải tạo

Đã tỏ ra biết xác định được tội lỗi của mình cố gắng trong học tập lao động, hàng năm xếp loại cải tạo trung bình

Lưu lại ngón trở phải

Của

Đánh dấu số

Lưu lại

Họ, tên chữ ký người được cấp giấy

Nguyễn Văn Long



Tháng 2 năm 1980
Giám thị

Tên: Nguyễn Huy Thuý

Xác nhận

Đã đi đến tỉnh chiến

Tại BND ấp 8 thị trấn

72 ngày 28/05/53

Quận Anwei

Phan Văn Khanh

Phan Văn Khanh

SỞ CÔNG AN TỈNH CHÍ MINH
ĐÀ TRINH LIÊN

Ngày 28/05/53
Phòng Cảnh Sát



pháp



Mr. V. Long
DAS Oct 29, 1915



Ng. V. Long

DOB = Oct. 29, 1915



A ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____
VEWL.# _____
I-171 : _____ Yes, _____ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN VAN LONG
Last Middle First
- Current Address 41 Ap 5 Thi Tran Thu' Doc TP Hcm
- Date of Birth 1915 Place of Birth Gia Ding
- Previous Occupation (before 1975) Priest (Colonel)
(Rank & Position)
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 6/75 To 2/80
3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mã số 001-QLTC, B
hành theo công văn số
2565 ngày 21 tháng 11
năm 1972

Trại

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số GRT

Số HSLĐ

00137709452

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ; 2 1980

Thi hành án văn, quyết định, tha số ngày tháng năm

của

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh NGUYỄN VĂN LONG
Họ, tên thường gọi
Họ, tên bị danh
Sinh ngày tháng năm
Nơi sinh

Nơi đăng ký phân, khâu thường trú trước khi bị bắt
41 Thủ Đức Thành phố Hồ Chí Minh

Can tội 41 Thủ Đức Thành phố Hồ Chí Minh

Bị bắt ngày 15/6/1975 An phạt 3 năm tập trung cải tạo

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tăng án lần, cộng thành

Đã được giảm án lần, cộng thành tháng

Nay về cư trú tại 41 Hoàng Diệu Thành phố Hồ Chí Minh

Nhận xét quá trình cải tạo

Đã tỏ ra biết tác động được tội lỗi hơn có sự cố gắng

trong học tập lao động, hàng năm cấp loại cải tạo trung bình

Lưu lại, nộp trở phải

Có

Đánh dấu

Lưu lại

Họ, tên chữ ký
người được cấp giấy

NGUYỄN VĂN LONG



Ngày 2 tháng 2 năm 1980
Giám thị

Tên: Nguyễn Huy Thụy

Xác nhận

Đã đi đến tỉnh biên

tại BND ấp 8 thị trấn

72 ngày 28/05/53

Quận Anwei

Phan Anh

Bưu vận hành

SỞ CÔNG AN TỈNH CHÍ MINH
ĐA TRÌNH DIỄN

Ngày 28/05/53
Quận ANWEI

pháp

TRÍCH LỤC
BỘ KHAI-SANH

ĐÃ KIỂM SOÁT ĐÚNG TRONG BỘ
Nhân-viên phụ-trách,
10/KS

Năm 1915

BIÊN LẠI KẾ ĐƠN
Số 17/9/70
Số hiệu 135

Tên, họ ấu nhi	NGUYỄN - VAN - LONG
Phái	Trai
Sanh (ngày, tháng, năm)	Le 29 Octobre 1915
Tại	Bình-Hòa Xã
Cha (Tên, họ)	Nguyễn-Van-Trọng
Nghề	Ký lục
Cư trú tại	Bình-Hòa Xã
Mẹ (Tên, họ)	Nguyễn-Thị-Hiện
Nghề	Coi việc nhà
Cư trú tại	Bình-Hòa Xã
Vợ	-/

KIẾN THỊ :

UY-BAN HÀNH-CHÁNH

Xã-Trưởng,



TRÍCH Y BỒN CHÁNH :

Bình-Hòa, ngày 16 tháng 9 năm 1970

ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH

TRẦN-QUANG-CHƠ

ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH

Chứng thật chữ ký trên đây của Ủy-ban

Hành-chánh Xã Bình-Hòa

Gò-Vấp, ngày ____ tháng ____ năm 197

T.L. QUẬN-TRƯỞNG,

MIỄN THỊ-THỰC
Số 10/40/106/4306.DNV/HC/23
3-8-1970

QUESTIONNAIRE FOR O.D.P. APPLICANTS

ODP IV No 56243

Date: _____

A.- BASIC IDENTIFICATION DATA

1. Name: LONG NGUYỄN-VĂN
2. Other name: none
3. Date/Place of birth: October 29/1915, Bình Hòa - Giadinh
4. Residence address: 41 Võ Văn Ngân, T.5, Ấp 5, Thủ Đức
5. Mailing address: id
6. Current occupation: Priest (temporarily) TP/Hồ Chí Minh

B.- RELATIVES TO ACCOMPANY BY

Nos :	Name	DOP :	POB :	Sex:	M/S:	Address	Relatives
NONE							

C.- RELATIVES OUTSIDE VIET NAM

1. Closest relatives in the US :

Name	Relationship	Address
NONE		

2. Closest relatives in other foreign countries :

Name	Relationship	Address
HIỆU NGUYỄN-VĂN	Brother	2 - Place Courbet, Ermenant
NGHIÊM NGUYỄN-VĂN	Brother	2031, ^{France} G.I.T. #11, Quebec
		G.I.T. #11 Canada

B.- COMPLETE FAMILY LISTING

- | | Living/Dead | Address |
|---|-------------|---------|
| 1. Father: <u>NGUYỄN VĂN TRỌNG</u> | <u>D</u> | |
| 2. Mother: <u>NGUYỄN THỊ HIỀN</u> | <u>D</u> | |
| 3. Spouse: <u>none</u> | | |
| 4. Former spouse (if any) : <u>none</u> | | |
| 5. Children: <u>none</u> | | |

6. Siblings:

- Nguyễn Thị Hiền D
- Nguyễn Văn Trường D
- Nguyễn Văn Trung D
- Nguyễn Văn Hiếu (1918) Priest - [redacted] Erment. France
- Nguyễn Văn Nghiêm (1925) 2031 6e droit # 11 - Quebec. P.Q. GIJ 1A1 Canada.

E.- EMPLOYMENT BY US GOV. AGENCIES OR OTHER US ORGANISATION OF YOU OR YOUR SPOUSE

1. Name of person employed:
2. Date: From to
3. Title of last position held: None
4. Agency/Company/Office:
5. Name of last supervisor:
6. Reason for leaving:
7. Training for job in VN:

F.- SEVICE WITH GNV OR RVAF BY YOU OR YOUR SPOUSE

1. Name of person serving: LONG NGUYEN - VAN^C
2. Date: from 1960 to 1970
3. Last rank: Colonel - Former Director of Chaplains RVNAF.
4. Ministry/Office/Military unit: Minister of Defense R.VN. / general
5. Name of supervisor: TRẦN VĂN TRUNG, general. Political Welfare Department -
6. Reason for leaving: End of Term
7. Name of American Advisor: W.G. DEVANY, Chaplain.
8. US Training Courses in VN:
9. US Awards or Certificates:

G.- TRAINING OUTSIDE OF VN BY YOU OR YOUR SPOUSE

1. Name of student/trainee:
2. School and school address:
3. Date: from to none
4. Description of courses:

H.- REEDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE

1. Name of person in reeducation: NGUYEN - VAN - LONG
2. Total time in reeducation: 4 years, 7 months, 10 days.
3. Still in reeducation:

I.- ANY ADDITIONAL REMARKS

Signature: plong

Date: Oct. 10. 1989.

J.- PLEASE LIST HERE ALL DOCUMENTS ATTACHED TO THIS QUESTIONNAIRE

- my release certificate
- my Birth certificate
- my I.D. card. (from 1951.)
- my Residence certificate. (Hố Hố)
- my Photos (2)



NHÂN-DẠNG
(signalement)

Đã cao : 1 th. 59
(Taille)
Sống mũi : Chẳng
(Nez)
Trán : Luột
(Front)
Cằm : Giòn
(Menton)

ĐẶC ĐIỂM
(Trait caractéristique)

Chăm sóc cách 3 lần
chức việc ngoài môi
trời, ở mức 1

ĐIỂM CHỈ

Ngón cái phải Ngón trỏ phải



QUỐC-GIA VIỆT-NAM
(ÉTAT DU VIÊT-NAM)

GIẤY CĂN-CƯỚC

(TITRE D'IDENTITÉ)

SỐ TỰ

(N: 28113)

Họ và tên Nguyễn Văn Long
Nom et prénom

Ngày sinh 29 tháng 10 năm 1915
Date de naissance

Sinh quán Bình Hòa xã, Gia Định
Lieu de naissance (Nam Việt)

Chánh quán Bình Hòa xã
Lieu d'origine

Trú quán Phước Long, Bình Thuận
Domicile

Nghề - nghiệp Lính - mục
Profession

Tên họ cha Nguyễn Văn Trọng
Nom du père

Tên họ mẹ Nguyễn Thị Hiền
Nom de la mère

Phan-thị ngày 2 tháng 6 năm 1921

T. L. Thủ-Hiến T. V.

Phó Giám-đốc Địa-phương Sở Cảnh-sát
và Công-An Quốc-gia tại Trung-Việt

P. le Gouverneur du C. V. N.

(Le Sous-Directeur Régional de la Police et de la
Sûreté Nationales au Centre Viêt-Nam)

Le Délégué

le Sous-Directeur National - de l'Industrie

Đã cao

BỊ CHỮ. - Nếu ở trên này có sửa chữa mục gì phải
nhận thật ở sau lưng thẻ

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỌ

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 941629 CN

Họ và tên chủ hộ:

LE VĂN LIÊU

Ấp, ngõ, số nhà:

41 4/5

Thị trấn, đường phố:

Xã, phường:

Huyện:

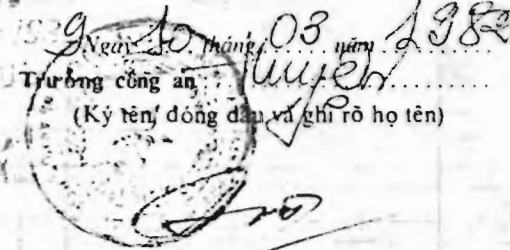
SAGYE ANCHINH

Ngày 06 tháng 4 năm 1982
Ngày 10 tháng 03 năm 1982
Trưởng công an huyện
(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



ỦY VIÊN THỰC KỲ

Số NK 31



Trưởng công an huyện

TRONG HỘ

[illegible]

Sài Gòn ngày 19/10/89.

Chị Thê Thân,

① Em phép được nhờ Chị về hỏi chuyển giúp em hồ sơ của cha Nguyễn Văn Long, đang tá túc ở nhà Tuyên úy Công giáo của QL VUCH.

* Đi tù gần 5 năm, gần hết đợt thứ 3/89 mới cho vào hồ khẩu, làm phiếu cho lĩnh mức cho thuê nhà. Đi mua kg được phép gầy hay làm nghề. Đi đi cá tạp với tờ một tờ đầu cho đến lúc ra trại từ các trại Long Khánh đến Yên Bái, Vĩnh Phú và Thanh Hóa. Ở ở các trại Ban Thân, đây khác với trại Lê Quang Bông nên tôi vẫn xem như Cầu vồng.

* Ở đây do có anh Bảy Sỹ bắt tôi về cho IV giúp lau rửa, nhưng được có Lợi, vậy tôi chỉ nhờ em. Mỗi lần học với anh Sỹ xem trường hợp của ông đã đến đến rồi, và nếu cần xin chuyển tiếp giúp, hồ sơ đã đủ để mở trại đến làm giúp cho ông, gửi kèm theo đây, chuyển đến ODP để xin con thím Lợi giúp ông.

② - Trúng học thi học lực của anh Thuận bị bị hình phạt nặng ở Trung tâm Phức, cũng bị bị phạt đến 86 sau khi cải tạo vẫn hơn sau 175 (hà hỉ quan) và anh

Phước là nhân viên xã Mỹ (PX của Quốc + Khảo luật
Mỹ ở Tân An khác về nhân viên) AO sau đó, đến
75.) Chỉ đề có đăng ký từ 1983 trước khi anh
ra trại và đề có DV: 082911. Anh chỉ nhớ
gửi chị và Hồi: 2 tờ Registration form của
Hồi và 1 giấy ra trại thôi, tờ khác là hồ sơ
complet chỉ Phước cũng đã gửi cho ODP rồi từ
1983. Do vậy xin nhớ chị tập lo giúp cho
anh Phước đi xem Kết quả cho đến giờ này ra
sao. Anh Phước cũng ở trại Z.30 C với tôi mấy
tháng sau cùng trước khi ra trại.

(3): Phen chúng tôi vẫn tập tục chỗ đặt trại
gửi phở với 450 mà toàn là những anh em nhỏ
đến cả trai (hồi chưa có) và đến cả Exit permit
từ trước năm 1987. Chỉ có 4 hay 5 anh em
từng số 3000 / số an 87, tuy đó có tướng lý tuy Bả
Lê Thị Tín (Đại tá), Đại tá Phạm C. Minh (Khung
quân.) Đỗ Kiên Mạnh (tướng tá) em của anh Nhàn
đang ở đây. Tôi thấy. Họ đang đặt sau tháng 10/87
11 này có thêm 1 ít nữa, mà bây giờ có 1 ít
thời. Có gì xin báo 4 guy cho chị hay. Tôi sẽ
anh em quen thân về mình chưa có gì cả?

Thân

11

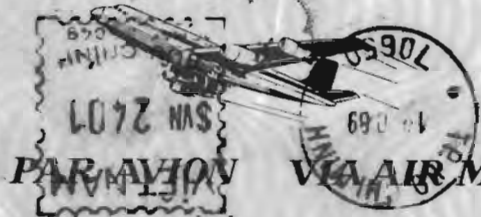
From: Nguyễn Văn Long
H1 - 5, Thị trấn Thủ Đức
TP Hồ Chí Minh.

PAR AVION
MAY BAY



TO: MRS PHUOC NGUYEN (B)
P.O. Box 5435 ARLINGTON

VA 22205-0535



NOV 6 1989

U.S.A

58

CONTROL

____ Card
____ Doc. Request; Form
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date
____ Membership Letter

12/1/89